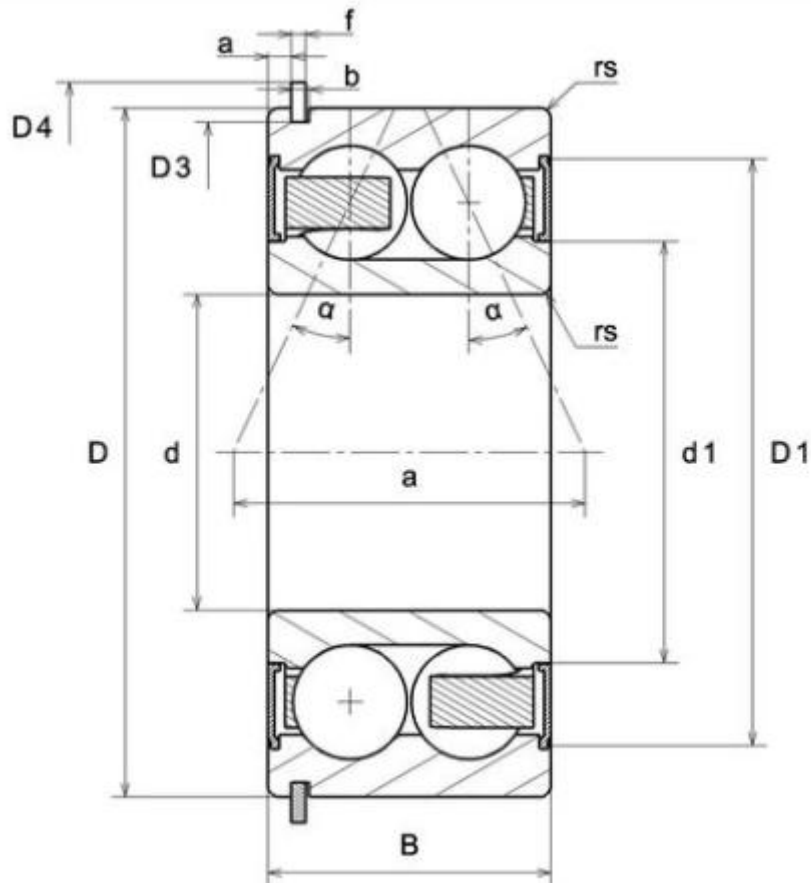


Vòng bi 5308NRZZG15



TẦN SỐ VÒNG BI

BPFO - Tần số vòng ngoài đặc trưng (60 vòng/phút)	3,159 Hz
BPFI - Tần số vòng trong đặc trưng (60 vòng/phút)	4,841 Hz
FTF - Tần số lồng đặc trưng (60 vòng/phút)	0,395 Hz
BSF - Tần số đặc trưng của phần tử lăn (60 vòng/phút)	4,119 Hz

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thương hiệu / Hãng sản xuất	NTN
d - Đường kính lỗ trục	40 mm
D - Đường kính ngoài	90 mm

B - Chiều rộng	36,5 mm
d1 - Đường kính ngoài vòng trong	55,6 mm
D1 - Đường kính gờ/rãnh của vòng ngoài	77,4 mm
a - Điểm ứng dụng tải trọng	45,8 mm
α - Góc tiếp xúc	25 °
a min - Vị trí rãnh tối thiểu	3,07 mm
a max - Vị trí rãnh tối đa	3,28 mm
rs - Bán kính góc lượn tối thiểu	1,5 mm
rNs - Bán kính góc lượn tối thiểu	0,6 mm
D3 - Đường kính rãnh đáy tối đa	86,79 mm
b min - Chiều rộng rãnh tối thiểu	2,7 mm
b max - Chiều rộng rãnh tối đa	3 mm
a - Khoảng cách tới lỗ phun dầu	0,6 mm
D4 max - Đường kính ngoài tối đa của vòng chặn lắp ráp	96,5 mm
f - Độ dày vòng chặn	2,41 mm
Tham khảo vòng khóa	R 90
Khe hở vòng bi	CN
Lớp chính xác	P0
Trọng lượng	0,97 kg
HIỆU SUẤT SẢN PHẨM	
C - Tải trọng động cơ bản danh định	59,1 kN
C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định	43,9 kN
Cu - Giới hạn tải trọng mỗi	2,75 kN
f0 - Hệ số	13.3
N ref - Tốc độ nhiệt tham chiếu	6000 tr/min

N lim - Tốc độ giới hạn cơ học	5800 tr/min
Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu	-20 °C
Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa	120 °C

GIỚI HẠN

da min - Đường kính vai tối thiểu IR	48 mm
da max - Đường kính vai tối đa IR	55,6 mm
Da max - Đường kính vai tối đa OR	82 mm
Ca min - Vị trí phân đoạn tối thiểu	5,43 mm
Ca max - Vị trí phân đoạn tối đa	5,74 mm
ra max - Bán kính góc lượn tối đa trục & vỏ	1,5 mm
rNa max - Bán kính góc lượn tối đa ở phía phân đoạn	0,6 mm
Db min - Đường kính vị trí vòng dừng tối thiểu	97,9 mm

NTN®



VOBICO.VN
NTN Authorized Distributor